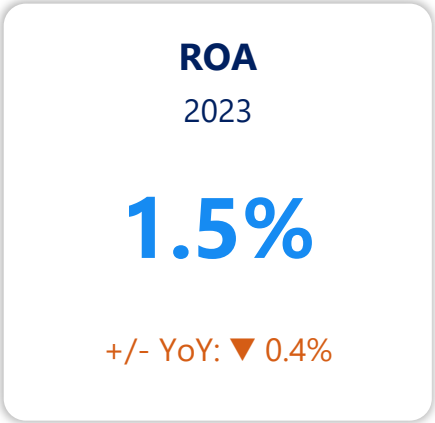
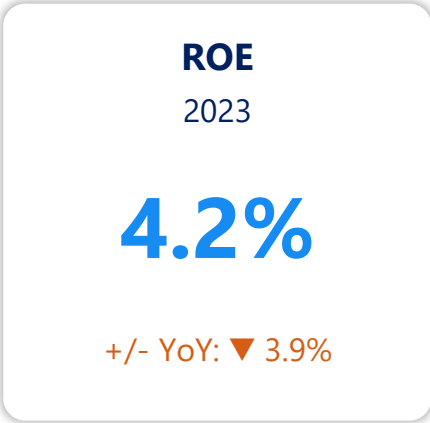
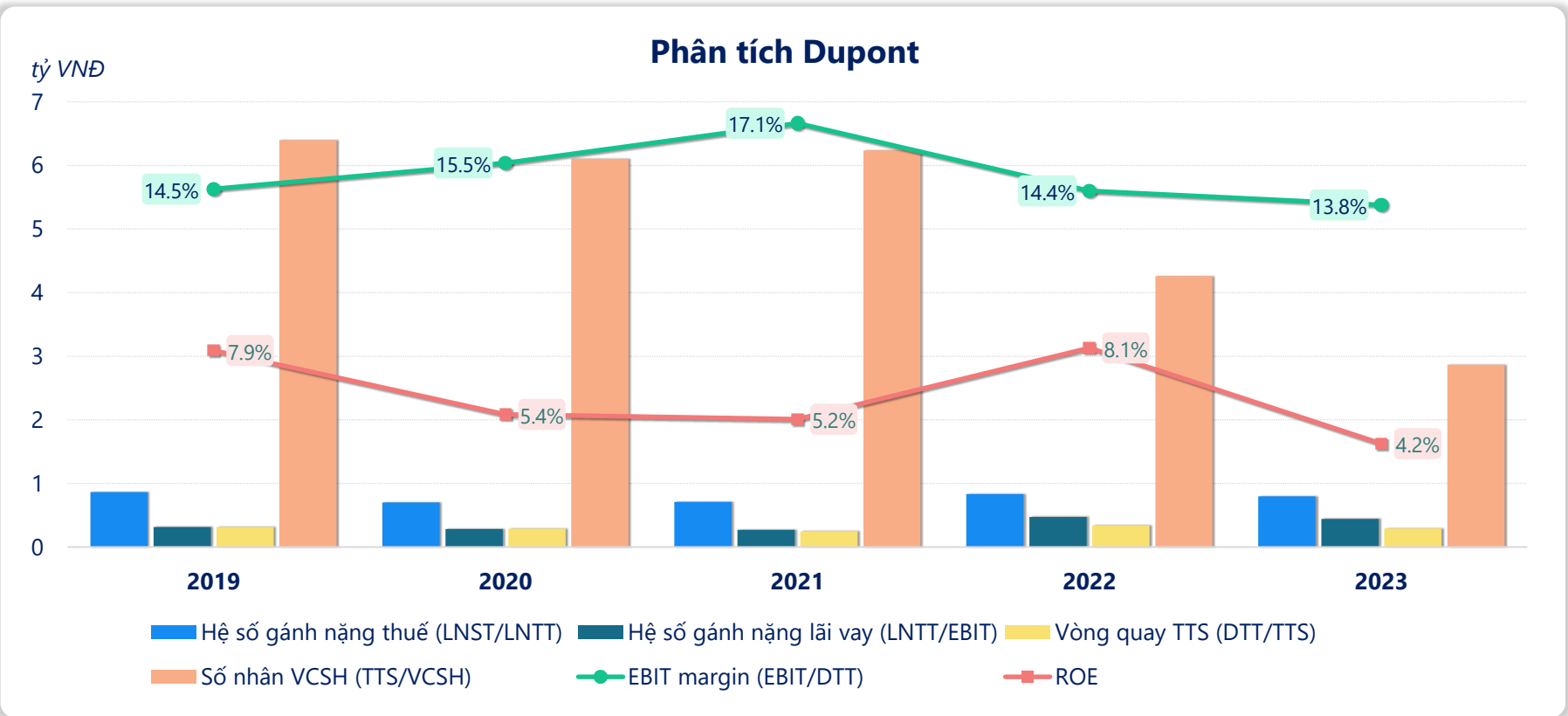
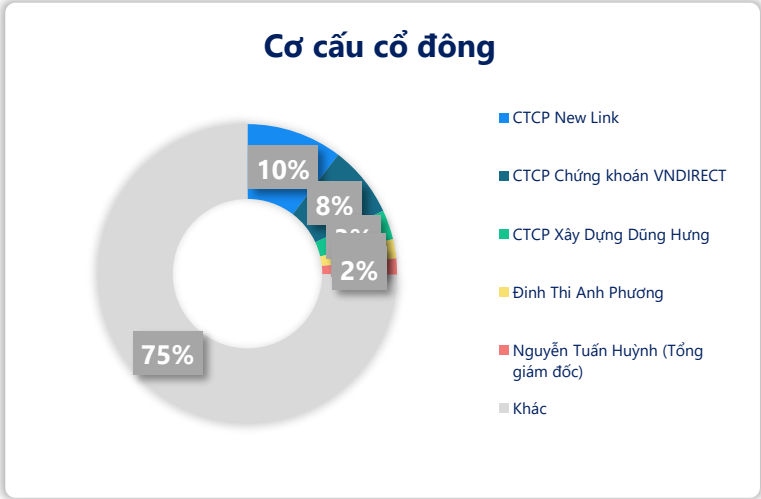


CTCP Tập đoàn CIENCO4 (UPCOM: C4G)

Hệ số Dupont là một công cụ phân tích tài chính giúp phân tích và hiểu rõ nguồn gốc của lợi nhuận dựa trên 5 nhân tố chính.

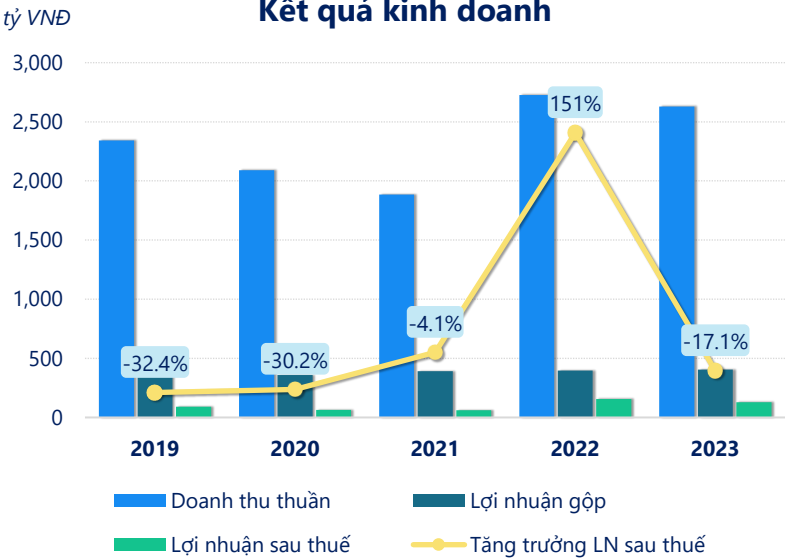
Thông tin giao dịch		29/12/2023
Giá hiện tại (VNĐ)		11,700
Sàn giao dịch		UPCOM
Khoảng giá 52 tuần		8,534 - 15,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		4,180
Số lượng CPLH (CP)		357,300,754
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,548,640
Sở hữu nước ngoài		0.0%
Beta		2.33
EPS		431
P/E		27.2

	YTD	1T	3T	6T
C4G	19.0%	-4.9%	-5.6%	-11.0%
VNINDEX	8.2%	0.8%	1.4%	0.3%



CTCP Tập đoàn CIENCO4 (UPCOM: C4G)

Kết quả kinh doanh

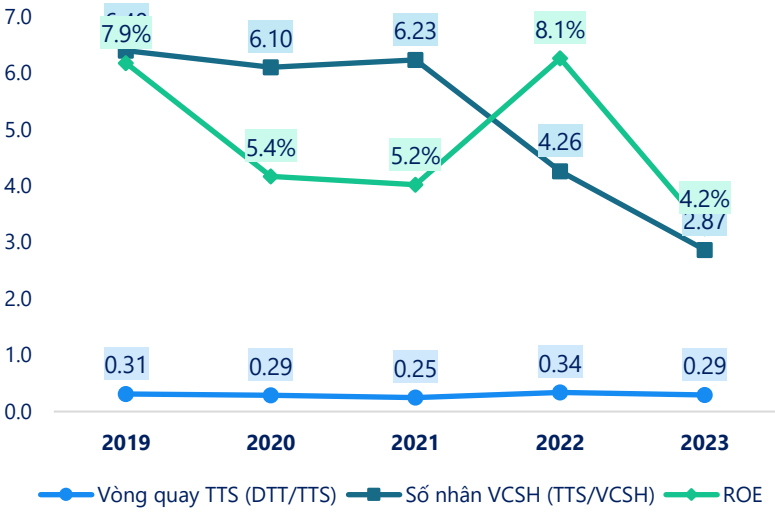


Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế và lãi vay (Ebit margin) **giảm xuống** còn **13.8%**, phản ánh mức độ suy giảm trong hiệu suất hoạt động của công ty.

Hệ số gánh nặng thuế bằng **0.80**, **giảm** so với năm trước phản ánh một phần lợi nhuận sau thuế đã bị giảm bớt bởi các khoản thuế.

Hệ số gánh nặng lãi vay là **0.44**, **thấp hơn** so với năm trước là dấu hiệu cho thấy chi phí lãi vay đang tăng nhanh hơn so với lợi nhuận trước thuế.

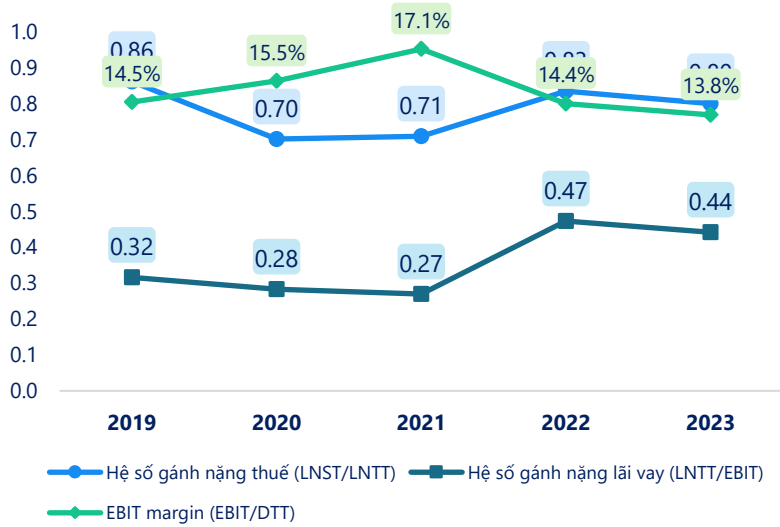
Vòng quay tài sản và ROE



Kết quả kinh doanh **C4G** năm **2023**, doanh thu thuần đạt **2,629** tỷ đồng **giảm 3.58%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 17.1%** chỉ còn **128.4** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **4.18%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay

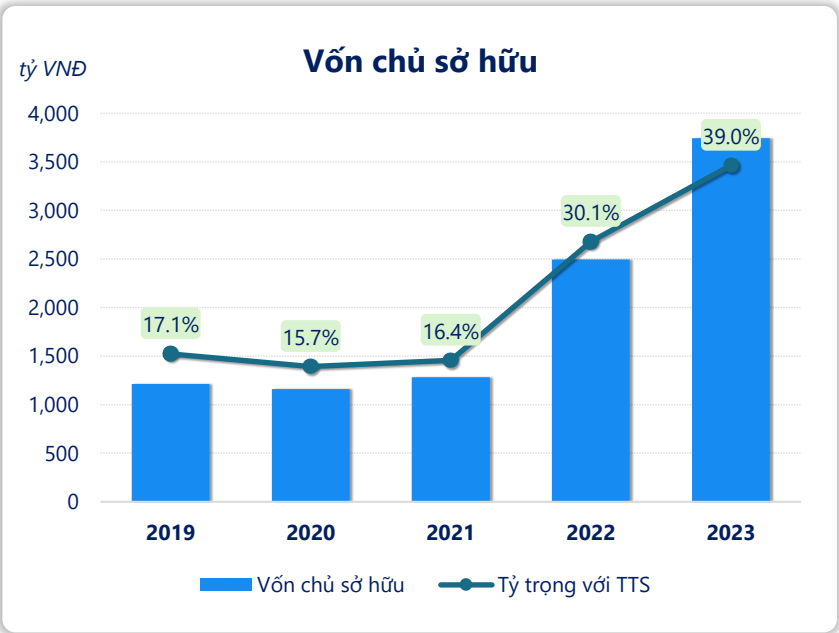
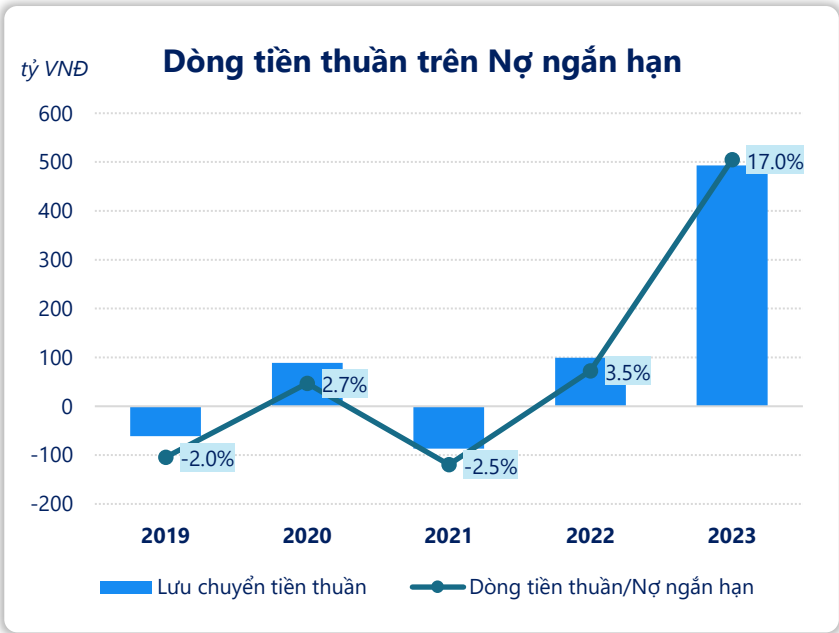
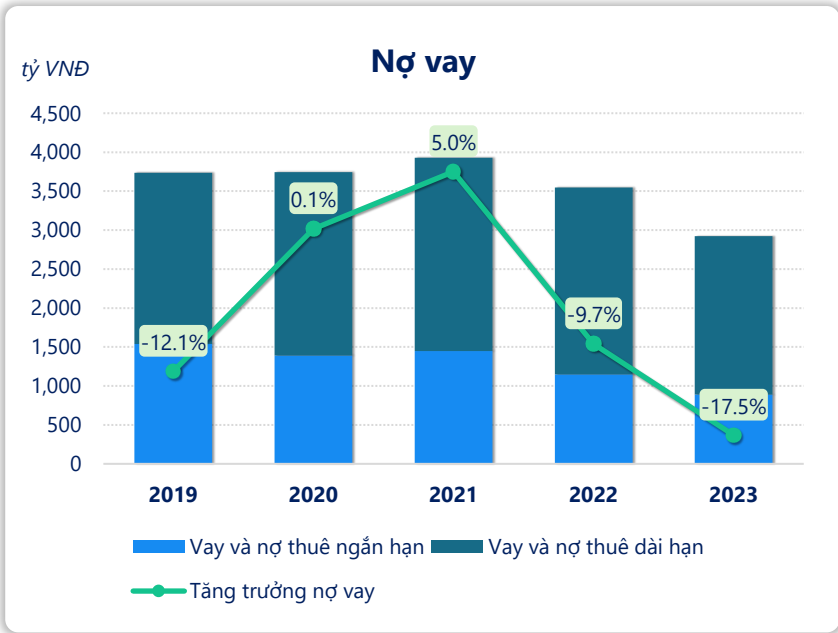
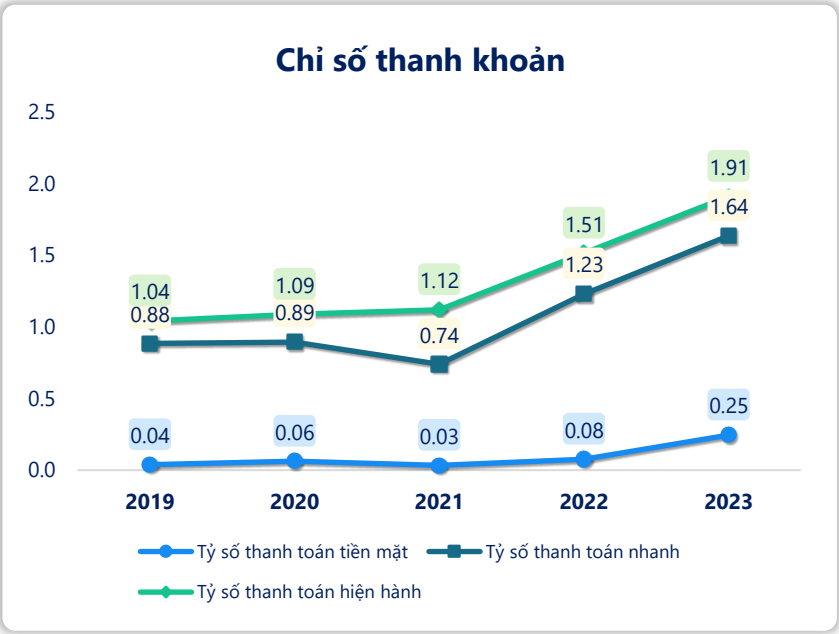
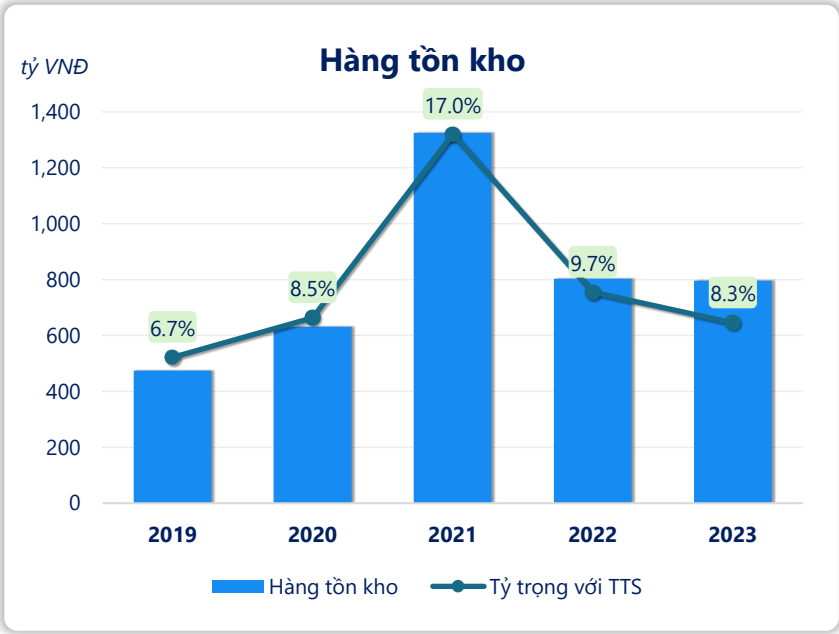
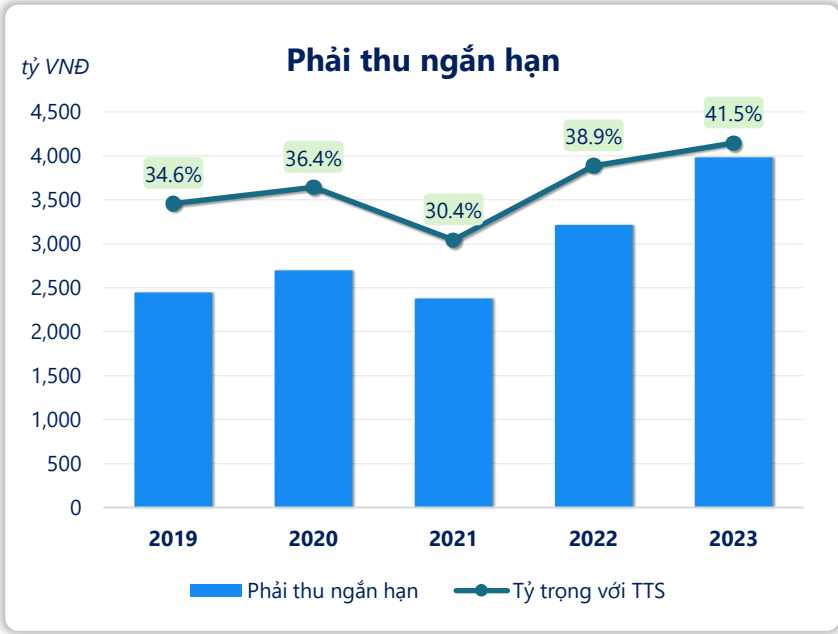


Vòng quay tổng tài sản đạt **0.29**, **giảm** so với năm trước thường phản ánh sự không hiệu quả trong quản lý và sử dụng tài sản.

Số nhân vốn chủ sở hữu **giảm xuống** còn **2.87** cho thấy tỷ lệ Nợ/VCSH thấp hơn năm trước. Cần xem xét sự thay đổi cấu trúc tài sản để đánh giá rủi ro tài chính.

Phân tích hệ số Dupont cần xem xét tổng thể tình hình tài chính của công ty trong từng giai đoạn để đưa ra kết luận đầy đủ và chính xác.

CTCP Tập đoàn CIENCO4 (UPCOM: C4G)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
Tổng tài sản	9,728	8,271	17.6%
Tài sản ngắn hạn	5,690	4,273	33.2%
Tiền và tương đương tiền	726	216	236%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.2	15.0	1.0%
Phải thu ngắn hạn	4,144	3,214	28.9%
Hàng tồn kho	795	803	-0.9%
Tài sản ngắn hạn khác	9.21	24.3	-62.1%
Tài sản dài hạn	4,038	3,998	1.0%
Phải thu dài hạn	5.82	2.84	105%
Tài sản cố định	2,259	2,355	-4.1%
Bất động sản đầu tư	124	122	1.9%
Tài sản dở dang	23.4	23.1	1.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	560	533	5.0%
Tài sản dài hạn khác	1,054	951	10.9%
Lợi thế thương mại	11.5	12.2	-5.4%
Nợ phải trả	5,962	5,778	3.2%
Nợ ngắn hạn	3,009	2,822	6.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	933	1,150	-18.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	721	739	-2.5%
Nợ dài hạn	2,953	2,956	-0.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	2,007	2,397	-16.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,766	2,493	51.0%
Vốn chủ sở hữu	3,766	2,493	51.0%
Vốn điều lệ	3,573	2,247	59.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	2,343	2,090	1,885	2,726	2,629
Giá vốn hàng bán	1,983	1,730	1,493	2,328	2,225
Lợi nhuận gộp	360	360	392	398	404
Doanh thu HĐTC	92.7	76.0	48.5	92.4	106
Chi phí TC	249	251	245	230	229
Chi phí lãi vay	232	233	236	207	203
LN trong công ty LKLD	-29.9	-21.9	-19.7	-2.53	-10.4
Chi phí bán hàng	0.69	2.20	0.40	3.77	1.74
Chi phí QLDN	69.8	69.4	86.5	92.8	120
LN thuần từ HĐKD	103	91.9	88.5	161	148
Lợi nhuận khác	3.90	0.01	-1.42	24.8	12.3
LN trước thuế	107	91.9	87.1	186	161
Lợi nhuận sau thuế	92.2	64.4	61.8	155	128
LNST của CĐ cty mẹ	92.7	63.6	63.1	152	130

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	314	369	-98.0	-455	217
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	154	-115	199	-410	-191
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-529	-164	-188	965	468
Tiền đầu kỳ	175	115	204	117	216
Lưu chuyển tiền thuần	-60.9	89.1	-86.7	99.1	493
Ảnh hưởng tỷ giá	0.03	0.01	-0.03	0.04	0.00
Tiền cuối kỳ	115	204	117	216	709